

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2024 trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, đề xuất chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh.

UBND thành phố nhận được Công văn số 1559/SLĐT BXH-BTXH ngày 16/05/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh về việc đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024, đề xuất Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030. UBND thành phố báo cáo như sau:

1. Đánh giá công tác quản lý Chương trình

a) Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

UBND thành phố đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Các văn bản ban hành đảm bảo đúng theo chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về chương trình giảm nghèo bền vững theo giai đoạn 2021- 2025 và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Trên cơ sở đó, các phòng, ban, ngành, hội đoàn thể của thành phố, UBND các phường, xã chủ động, triển khai tổ chức thực hiện Chương trình¹.

¹- Quyết định 9474/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Quy Nhơn ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố quy nhơn giai đoạn 2021-2025; Quyết định 1170/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2023 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc thành lập Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định 1459/QĐ-BCĐCTMTQGGN ngày 27 tháng 03 năm 2023 của Ban chỉ đạo Chương trình MTQGGN thành phố Quy Nhơn ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định 1555/QĐ-UBND ngày 29 tháng 03 năm 2023 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc Thành lập Tổ thẩm định Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2), Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Tiểu dự án 1, Dự án 3) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Quy Nhơn; Quyết định Số 447/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc giảm tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2023 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 24/2/2023 Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 30/3/2023 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc tổ chức tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Quy Nhơn năm 2023; Kế hoạch Số 75/KH-UBND ngày 21/04/2023 của UBND thành phố về việc Giám sát, đánh giá năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch Số 163/KH-UBND ngày 24/10/2023 của UBND thành phố về việc Tổ chức thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động phục vụ công tác quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn thành phố Quy Nhơn; Quyết định Số 1772/QĐ-UBND ngày 28 tháng 03 năm 2024 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố Quy Nhơn; Kế hoạch Số 67/KH-UBND ngày 28/03/2024 của UBND thành phố về việc Thực hiện công tác giảm nghèo và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Quy Nhơn năm 2024; Kế hoạch Số 73/KH-UBND ngày 28/03/2024 của UBND thành phố về việc Hoạt động truyền thông và giảm nghèo về thông tin năm 2024 thuộc Dự án 6 Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch Số 60/KH-UBND ngày 22/03/2024 của UBND thành phố về việc Giám sát, đánh giá năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2021-2025; Quyết định Số 2387/QĐ-UBND ngày 04 tháng 05 năm 2024 của UBND thành phố Quy Nhơn Ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Quy Nhơn năm 2024.

Ngoài ra, UBND thành phố ban hành nhiều văn bản khác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Quy Nhơn.

b) Công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo được thực hiện đồng bộ giữa các Chương trình, giữa các thành viên Ban chỉ đạo, trong đó có Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, góp phần thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình. Các thành viên trong Ban chỉ đạo đã nâng cao tinh thần trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ, triển khai lồng ghép các hoạt động giảm nghèo bền vững trong chương trình, kế hoạch hoạt động theo lĩnh vực ngành phụ trách; đồng thời, có trách nhiệm theo dõi công tác giảm nghèo từng phường, xã để phối hợp triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững) đã chủ động, phối hợp với các phòng, ban, ngành của thành phố (cơ quan chủ trì các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình) triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình trong năm 2023, triển khai rà soát các dự án năm 2024 đúng quy định.

- Tuy nhiên, việc phối hợp, triển khai, báo cáo kết quả thực hiện của dự án, tiểu dự án của các phòng, ban, ngành và UBND các phường, xã còn chậm, muộn so với quy định, công tác tổng hợp cung cấp số liệu theo biểu mẫu chưa đầy đủ. Vì vậy, việc tổng hợp, báo cáo của cơ quan Thường trực Chương trình cho UBND thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chưa đầy đủ, kịp thời.

c) Hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình.

Công tác thông tin tuyên truyền đã được triển khai kịp thời, hình thức nội dung phong phú, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đáp ứng nhu cầu của người dân, tạo sự thống nhất và chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

d) Đánh giá tình hình thực hiện công tác báo cáo, giám sát, đánh giá định kỳ.

Hàng năm, UBND thành phố phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tiến hành kiểm tra, giám sát các dự án trên địa bàn. Trên cơ sở kiểm tra, giám sát xác định được mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với kế hoạch đề ra; tìm ra các nguyên nhân của kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế để đưa ra các giải pháp phù hợp tổ chức thực hiện Chương trình đồng thời kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình triển khai thực hiện.

đ) Công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong hệ thống chính trị đã tích cực chỉ đạo, phối hợp triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách, dự án, đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện trên cơ sở phạm vi hoạt động và chức năng, nhiệm vụ quy định. Các mục tiêu, nội dung, biện pháp giảm nghèo được đưa vào chương trình

hoạt động, chỉ đạo các đơn vị và hội viên cơ sở có kế hoạch cụ thể giúp người nghèo phát triển sản xuất, tổ chức sản xuất.

2. Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

2.1. Năm 2022:

Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 được tỉnh phân bổ theo Quyết định 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022 phân bổ cho thành phố Quy Nhơn là 2.363 triệu đồng. Trong đó:

- Dự án 2 (Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo): 849 triệu đồng.

- Tiểu Dự án 1 – Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn): 948 triệu đồng.

- Tiểu Dự án 3 – Dự án 4 (Hỗ trợ việc làm bền vững): 248 triệu đồng.

- Tiểu Dự án 2 -Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều: 26 triệu đồng

- Dự án 7 (Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá): 292 triệu đồng.

Ngoài ra, Trung tâm Y tế thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 3 (Cải thiện dinh dưỡng): 3.560.000 đồng.

2.2. Năm 2023:

Tổng nguồn vốn: 6.444,8 triệu đồng, trong đó: Nguồn vốn sự nghiệp Trung ương: 5.496 triệu đồng; Nguồn ngân sách tỉnh đối ứng: 444 triệu đồng; Vốn đối ứng của thành phố: 504,8 triệu đồng.

- Dự án 2 (Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo): 2.456,4 triệu đồng. Trong đó: (Trung ương: 2.136 triệu đồng; tỉnh đối ứng: 96,1 triệu đồng; thành phố đối ứng: 224,3 triệu đồng).

- Tiểu dự án 1 - Dự án 3 (Hỗ trợ phát triển sản xuất trên lĩnh vực nông nghiệp): 1.431 triệu đồng. Trong đó: (Trung ương: 1.137 triệu đồng; tỉnh đối ứng: 174 triệu đồng; thành phố đối ứng: 120 triệu đồng).

- Tiểu dự án 1 – Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn): 1.096 triệu đồng (Trung ương: 953 triệu đồng; tỉnh đối ứng: 43 triệu đồng; thành phố đối ứng: 100 triệu đồng).

- Tiểu dự án 3 – Dự án 4 (Hỗ trợ việc làm bền vững): 643 triệu đồng (Nguồn Trung ương: 559 triệu đồng; tỉnh đối ứng: 84 triệu đồng).

- Tiểu Dự án 1 – Dự án 6 (Giảm nghèo về thông tin): 156 triệu đồng (Trung ương: 135 triệu đồng; tỉnh đối ứng: 21 triệu đồng).

- Tiểu Dự án 2 – Dự án 6 (Truyền thông về giảm nghèo đa chiều): 133,4 triệu đồng (Trung ương: 116 triệu đồng; tỉnh đối ứng: 5,2 triệu đồng; thành phố đối ứng: 12,2 triệu đồng).

- Tiểu Dự án 1 – Dự án 7 (Nâng cao năng lực): 345 triệu đồng (Trung ương: 300 triệu đồng; tỉnh đối ứng: 13,5 triệu đồng; thành phố đối ứng: 31,5 triệu đồng).

- Tiểu Dự án 2 – Dự án 7 (Giám sát, đánh giá): 184 triệu đồng (Trung ương: 160 triệu đồng; tỉnh đối ứng: 7,2 triệu đồng; thành phố đối ứng: 16,8 triệu đồng).

- Ngoài ra, Tiểu Dự án 2 - Dự án 3 (cải thiện dinh dưỡng): Tổng kinh phí được cấp trực tiếp từ Sở Y tế cho TTYT thành phố: 371 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 323 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 48 triệu đồng).

2.3. Năm 2024:

Trên cơ sở vốn tỉnh phân bổ, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1194, 1195/QĐ-UBND ngày 05/03/2024 về việc bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024, cho các cơ quan, đơn vị và phường, xã để thực hiện.

Tổng số vốn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024: 6.015 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 5.231 triệu đồng; Ngân sách tỉnh đối ứng là 784 triệu đồng). Trong đó:

- Tiểu dự án 1 - Dự án 3 (Hỗ trợ phát triển sản xuất trên lĩnh vực nông nghiệp): 1.378 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 1.198 triệu đồng; Ngân sách tỉnh đối ứng là 180 triệu đồng).

- Tiểu dự án 2 - Dự án 3 (Cải thiện dinh dưỡng): 529 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 460 triệu đồng; Ngân sách tỉnh đối ứng là 69 triệu đồng).

- Tiểu dự án 1 - Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn): 1.698 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 1.477 triệu đồng; Ngân sách tỉnh đối ứng là 221 triệu đồng).

- Tiểu dự án 3 - Dự án 4 (Hỗ trợ việc làm bền vững): 1.725 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 1.500 triệu đồng; Ngân sách tỉnh đối ứng là 225 triệu đồng).

- Tiểu Dự án 1 - Dự án 6 (Giảm nghèo về thông tin): 191 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 166 triệu đồng; Ngân sách tỉnh đối ứng là 25 triệu đồng).

- Tiểu Dự án 2 - Dự án 6 (Truyền thông giảm nghèo): 149 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 130 triệu đồng; Ngân sách tỉnh đối ứng là 19 triệu đồng).

- Tiểu Dự án 1 - Dự án 7 (Nâng cao năng lực): 230 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 200 triệu đồng; Ngân sách tỉnh đối ứng là 30 triệu đồng).

- Tiểu Dự án 2 - Dự án 7 (Giám sát, đánh giá): 115 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 100 triệu đồng; Ngân sách tỉnh đối ứng là 15 triệu đồng).

3. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án

3.1. Năm 2022:

a) Kết quả giải ngân vốn năm 2022:

- Giải ngân vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 132,345 đồng, chiếm tỷ lệ 5%. Trong đó:

+ Tiểu dự án 2 - Dự án 6 (Truyền thông về giảm nghèo đa chiều): 26 triệu đồng (Tổ chức Hội nghị truyền thông tại xã Nhơn Châu).

+ Dự án 7 (Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình): 106,345 triệu đồng (Tổ chức Hội nghị triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thu nhập trung bình và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình năm 2022).

- Giải ngân vốn Tiểu dự án 2 – Dự án 3 (Cải thiện dinh dưỡng): 3.560.000 đồng, đạt 100%. Nội dung thực hiện: điều tra các thể thiếu dinh dưỡng và xác định đúng đối tượng thụ hưởng của Kế hoạch, cụ thể: Tình hình thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; Hoạt động về kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện.

Số kinh phí còn lại không thực hiện được năm 2022 chuyển trả nộp vào ngân sách và không chuyển nguồn.

b) Nguyên nhân giải ngân thấp:

Năm 2022 là năm đầu tiên thực hiện chương trình, chưa có các văn bản hướng dẫn thực hiện nên việc triển khai gặp nhiều khó khăn.

3.2. Năm 2023:

a) Kết quả giải ngân vốn năm 2023:

- Dự án 2: Phê duyệt Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản tại xã Phước Mỹ. Tổng kinh phí thực hiện dự án: 1.290,921 triệu đồng. Trong đó: Kinh phí triển khai: 58,587 triệu đồng; Ngân sách Nhà nước hỗ trợ giống bò: 648,000 đồng; Hộ tham gia đối ứng: 584,334 triệu đồng. Kết quả giải ngân: 659,67 triệu đồng (đạt 27% so với tổng vốn phân bổ của Dự án 2)

- Tiểu dự án 1, Dự án 3: Kết quả giải ngân: 197,15 triệu đồng (đạt 14% so với tổng vốn phân bổ của Dự án 3). Trong đó:

+ Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản tại Nhơn Phú: Tổng kinh phí thực hiện dự án 293,190 triệu đồng. Trong đó: Kinh phí triển khai: 19,338 triệu đồng; Ngân sách Nhà nước hỗ trợ giống bò: 144 triệu đồng; Hộ tham gia đối ứng: 129,852 triệu đồng. Đã giải ngân 147,34 triệu đồng.

+ Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản tại Nhơn Bình: Tổng kinh phí thực hiện dự án: 101,391 triệu đồng. Trong đó: Kinh phí triển khai: 10,107 triệu đồng; Ngân sách Nhà nước hỗ trợ giống bò: 48 triệu đồng; Hộ tham gia đối ứng: 43,284 triệu đồng. Đã giải ngân 50,25 triệu đồng.

- Tiểu dự án 1 – Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn): Đã giải ngân 20,8 triệu đồng (đạt 2,2% nguồn vốn Trung ương): Đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Tiểu dự án 3 - Dự án 4 (Hỗ trợ việc làm bền vững): 265,5 triệu đồng (đạt 41%), gồm: Tổ chức 2 phiên giao dịch việc làm tại Phường Đồng Đa và xã Nhơn Lý; Tổ chức lớp tập huấn và hỗ trợ công tác thu thập, cập nhật thông tin lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên cho 5 phường (Nguyễn Văn Cừ, Ngô Mây, Quang Trung, Ghềnh Ráng, Hải cảng) phục vụ công tác quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Tiểu Dự án 1 – Dự án 6 (Giảm nghèo về thông tin): Phòng Văn hóa – Thông tin thành phố triển khai Kế hoạch thiết lập điểm công nghệ công cộng giảm nghèo thông tin cho các phường, xã. Kinh phí giải ngân 156 triệu đồng, đạt 100%.

- Tiểu Dự án 2 – Dự án 6 (Truyền thông về giảm nghèo đa chiều): Đã giải ngân 133,4 triệu đồng (đạt 100%): thực hiện lắp đặt Pano tuyên truyền giảm nghèo tại xã Nhơn Hội và xã Phước Mỹ; tổ chức 02 cuộc thi tìm hiểu về CTMTQG GN tại xã Phước Mỹ, Nhơn Châu.

- Tiểu Dự án 1 – Dự án 7 (Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình): 195,8 triệu đồng (đạt 57%): tổ chức 02 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo từ thành phố, đến phường, xã, thôn, khu phố và 07 lớp tập huấn tại UBND các phường, xã.

- Tiểu Dự án 2 - Dự án 7 (Giám sát, đánh giá): đã giải ngân 176,8 triệu đồng (đạt 96%): hỗ trợ điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ công tác kiểm tra, giám sát của thành phố và các phường, xã.

- Tiểu Dự án 2 – Dự án 3 (cải thiện dinh dưỡng): giải ngân 54,656 triệu đồng, đạt 14,73%. Trong đó: Nguồn ngân sách trung ương thực hiện: 12,762 triệu đồng, đạt 3,95%; Nguồn ngân sách địa phương thực hiện: 41,894 triệu đồng, đạt 87,28%. Kinh phí còn lại: 316,343 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 310,237 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 6,106 triệu đồng)

+ *Nội dung thực hiện:* Trung tâm Y tế thành phố đã tiến hành thực hiện một số nội dung sau: Tiến hành mua 02 bộ dụng cụ hướng dẫn trình diễn thức ăn dựa trên các sản phẩm, thực phẩm tại địa phương; Triển khai tư vấn (4/4 lần), trình diễn thức ăn (2/2 lần) bà mẹ có trẻ dưới 2 tuổi tại phường Ngô Mây và xã Phước Mỹ; Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho 7/8 trẻ thuộc đối tượng thụ hưởng (có 1 đối tượng qua tuổi thụ hưởng) từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi, trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng; Bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6-60 tháng tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và phụ nữ trong vòng 01 tháng sau sinh, được lồng ghép với Chương trình cân đo, uống vitamin A thường niên; Tẩy giun định kỳ cho trẻ dưới 6 tuổi: Triển khai thực hiện theo đúng đối tượng thụ hưởng Chương trình (trẻ từ 2-dưới 6 tuổi bị SDD). Số lượng 3 trẻ tại Trần Quang Diệu (1 trẻ), Nhơn Hải (2 trẻ); Cung cấp sắt cho trẻ gái 12-16 tuổi có kinh nguyệt: cấp cho 57 đối tượng thụ

hưởng chương trình; Bổ sung kẽm cho trẻ em bị tiêu chảy cấp: đã tiến hành mua và cấp phát cho một số Trạm Y tế theo dự trù của các Trạm (dự trù 5% tương đương 11 trẻ). Hiện có 9/11 trẻ được bổ sung kẽm; Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng: Hiện không có trẻ SDD cấp tính nặng; Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ: Cân đo 247 trẻ thuộc diện dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng), trong đó: tỷ lệ thấp còi, gầy còm trẻ dưới 5 tuổi lần lượt là 10%, 15%. Tỷ lệ thấp còi trẻ 5 đến dưới 16 tuổi: 2,64%; Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn, cán bộ làm công tác dinh dưỡng và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em: đã tập huấn cho 30 NVYT thôn, 59 trưởng, phó khu phố; Triển khai 1 đợt giám sát hoạt động cân, đo, 1 đợt giám sát tư vấn, tổ chức các buổi hướng dẫn trình diễn thức ăn cho bà mẹ có con dưới 2 tuổi năm 2023 và 2 đợt giám sát, đánh giá thực hiện nội dung Chương trình.

b) Nguyên nhân các Dự án có tỷ lệ giải ngân thấp:

- Đối với Dự án 2 và Tiểu Dự án 1 – Dự án 3: Đa số các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo đều là người già yếu không có khả năng lao động, hộ gia đình thiếu lực lượng lao động, có người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hoặc có lao động nhưng đang làm việc tại các doanh nghiệp, lao động tự do, không muốn chuyển đổi nghề nên không đăng ký tham gia các Dự án năm 2023.

- Đối với Tiểu dự án 1 – Dự án 4: chỉ giải ngân 20,8 triệu đồng (đạt 2% nguồn vốn Trung ương): Đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Lý do, trên địa bàn thành phố lao động thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo còn rất ít, đa số đã được đào tạo nghề từ những năm trước đây, một số ít còn lại đang làm việc tại các doanh nghiệp, lao động tự do không có nhu cầu chuyển đổi nghề nên không có nhu cầu học nghề, trong khi đó lao động có thu nhập thấp chưa có hướng dẫn.

- Tiểu dự án 3 - Dự án 4: Dự án mới triển khai tháng 11/2023, các địa phương đang thực hiện thu thập, cập nhật thông tin lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phục vụ công tác quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư năm 2023, việc cập nhật thông tin còn phụ thuộc vào công tác nhập vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu của ngành Công an nên không đảm bảo tiến độ thực hiện.

- Tiểu Dự án 1 – Dự án 3: Vì nguồn kinh phí giao về ban đầu rất lớn mà đối tượng thụ hưởng rất ít; một số hoạt động dinh dưỡng bị ảnh hưởng bởi thông tư TT55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 nên hoạt động giám sát cũng hạn chế; Quyết định 3452/QĐ-BYT ngày 6/9/2023 của BYT ban hành có một số mục hoạt động không còn phù hợp thay đổi đối tượng bổ sung vi chất, bổ sung vi chất sắt chỉ cho trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt nên tỷ lệ giải ngân không đạt 100%.

3.3. Năm 2024:

a) Kết quả giải ngân vốn năm 2024:

- Đối với Dự án 2 và Tiểu Dự án 1 – Dự án 3:

Qua rà soát các đối tượng thuộc diện hỗ trợ chương trình như: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật không có sinh kế ổn định tại các phường, xã trên địa bàn thành phố, đến nay đã có 114 hộ (9 hộ nghèo, 15 hộ cận nghèo, 12 hộ mới thoát nghèo, 64 người khuyết tật không có sinh kế ổn định; 14 người làm kinh tế giỏi) tham gia các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Dự án 2 và Tiểu Dự án 1 – Dự án 3. Cụ thể:

Dự án 2: có 08 dự án, tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ dự kiến 1.480,8 triệu đồng, trong đó: 02 dự án chăn nuôi bò cái sinh sản tại thôn Mỹ Lợi và thôn Long Thành xã Phước Mỹ, có 30 hộ tham gia; 02 Dự án hỗ trợ máy móc, thiết bị đan nhựa giả mây tại phường Bùi Thị Xuân, phường Nhơn Bình, có 9 hộ tham gia; 02 Dự án hỗ trợ máy móc may công nghiệp tại phường Đống Đa, xã Nhơn Lý có 11 hộ tham gia; 02 Dự án hỗ trợ trang thiết bị, máy móc bán nước giải khát tại phường Đống Đa, xã Nhơn Lý, có 09 hộ tham gia.

Tiểu Dự án 1 – Dự án 3: có 07 dự án, tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ dự kiến 1.814,4 triệu đồng, trong đó: 05 dự án chăn nuôi bò cái sinh sản tại thôn Thanh Long xã Phước Mỹ, phường Bùi Thị Xuân, phường Trần Quang Diệu, phường Nhơn Bình, phường Nhơn Phú, có 47 hộ tham gia; 01 dự án nuôi tôm quảng canh cải tiến tại xã Nhơn Hội, có 03 hộ tham gia; 01 dự án chăn nuôi gà thương phẩm tại xã Nhơn Lý (hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ), có 01 hộ tham gia.

- *Tiểu dự án 1 - Dự án 4* (Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn): không còn đối tượng thực hiện.

- *Tiểu dự án 3 - Dự án 4* (Hỗ trợ việc làm bền vững): Đang thực hiện theo kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đến nay đã thu thập cập nhật thông tin được 46.629 người lao động từ 15 tuổi trở lên có khả năng lao động và có nhu cầu việc làm, cập nhật vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu dân cư do Công an đang quản lý.

- *Tiểu Dự án 1 - Dự án 6* (Giảm nghèo về thông tin): Phòng Văn hóa thông tin đang thực hiện dự án lắp đặt điểm công nghệ thông tin cung cấp thông tin thiết yếu cho người dân xã Nhơn Hải.

- *Tiểu Dự án 2 - Dự án 6* (Truyền thông giảm nghèo): Đã thực hiện lắp đặt pano tuyên truyền Chương trình MTQGGN bền vững tại xã Nhơn Hải; Hội LHPN và Đoàn TNCS HCM thành phố tổ chức 02 hội thi truyền thông về công tác giảm nghèo.

- *Tiểu Dự án 1 - Dự án 7* (Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình): Tổ chức đoàn đi học tập kinh nghiệm tại Hà Tĩnh, Nghệ An, dự kiến đầu tháng 06/2024; Tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.

- *Tiểu Dự án 2 - Dự án 7* (Giám sát, đánh giá): Thực hiện giám sát thường

xuyên các dự án đã triển khai và giám sát kết quả thực hiện Chương trình cuối năm 2024.

- Tiểu dự án 2 – Dự án 3 (Cải thiện dinh dưỡng): Tổng kinh phí dự toán Kế hoạch năm 2024: bao gồm Kinh phí chuyển từ năm 2023 sang năm 2024 tiếp tục sử dụng (do TTYT quản lý) và Kinh phí giao năm 2024 (do UBND thành phố quản lý). Tổng kinh phí: 845.343.352 đồng, trong đó: Nguồn ngân sách trung ương: 770.237.352 đồng; Nguồn ngân sách địa phương: 75.106.000 đồng.

Cũng như năm 2023 nguồn kinh phí dự toán Kế hoạch năm 2024 được giao cho hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” trên địa bàn thành phố gấp nhiều lần so với năm trước. Để đảm bảo tiến độ thực hiện và cam kết ưu tiên giải ngân nguồn vốn chuyển từ năm 2023 sang năm 2024 tiếp tục sử dụng trước. TTYT thành phố Quy Nhơn đã tiến hành dự kiến kinh phí cho hoạt động năm 2024 là: Nguồn ngân sách trung ương: 34.600.000 đồng; Nguồn ngân sách địa phương: 43.600.000 đồng. Kinh phí còn lại không còn nội dung thực hiện đề nghị chuyển trả:

+ Vốn sự nghiệp trung ương: Kinh phí chuyển từ năm 2023 sang năm 2024 tiếp tục sử dụng: 310.237.352 đồng; dự kiến thực hiện giải ngân là: 34.000.000 đồng. Còn lại đề nghị chuyển trả vốn năm 2023 là 275.637.352 đồng và vốn năm 2024 là 460.000.000 đồng.

+ Ngân sách địa phương: Kinh phí giao năm 2024 là 69.000.000 đồng; dự kiến thực hiện giải ngân là 37.494.000 đồng. Còn lại đề nghị chuyển trả: 31.506.000 đồng.

+ Nội dung thực hiện: Tiến hành rà soát chốt đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng: 212 trẻ (Tổng số hộ 124 hộ, trong đó: 27 hộ nghèo, 70 hộ cận nghèo, 27 hộ mới thoát nghèo); Tiến hành mua 01 bộ dụng hướng dẫn trình diễn thức ăn dựa trên các sản phẩm, thực phẩm tại địa phương; Tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng: Triển khai tư vấn, trình diễn thức ăn bà mẹ có trẻ dưới 2 tuổi; Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi, trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng; Bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6-60 tháng tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và phụ nữ trong vòng 01 tháng sau sinh: Được lồng ghép với Chương trình cân đo, uống vitamin A thường niên; Cung cấp sắt cho trẻ gái 12- 16 tuổi có kinh nguyệt; Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng; Tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ; Đảm bảo cung cấp trang thiết bị (cân, thước đo) đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em; Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn, cán bộ làm công tác dinh dưỡng và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em; Giám sát các hoạt động Chương trình như cân đo, tư vấn, tổ chức các buổi trình diễn thức ăn và đánh giá tiến độ Chương trình.

b) Nguyên nhân các Dự án có tỷ lệ giải ngân thấp:

Tiểu dự án 1 - Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn) và Tiểu dự án 2 – Dự án 3 (cải thiện dinh dưỡng): không còn đối tượng và nội dung thực hiện.

4. Kết quả thực hiện mục tiêu của Chương trình

a) Mục tiêu của Chương trình

Đầu giai đoạn, toàn thành phố có 114 hộ nghèo, tỷ lệ 0,15%; 216 hộ cận nghèo, tỷ lệ 0,29%. Đến cuối năm 2023, tỷ lệ nghèo đa chiều còn 0,27%, với 199 hộ, trong đó: số hộ nghèo: 53 hộ, chiếm tỷ lệ 0,07%; số hộ cận nghèo: 146 hộ, chiếm tỷ lệ 0,2%. Xóa nghèo 12/21 phường, xã, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

b) Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, công tác giảm nghèo trên địa bàn thành phố đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Thu nhập bình quân của hộ nghèo được cải thiện, các vấn đề cơ bản, bức xúc nhất đối với hộ nghèo như vốn sản xuất kinh doanh, nhà ở, khám chữa bệnh, học tập... đã được giải quyết kịp thời, cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Tạo cơ hội và điều kiện cho hộ nghèo vươn lên phát triển kinh tế, tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần từng bước nâng cao điều kiện sống, tăng thu nhập của người dân, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

5. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội

5.1. Chính sách hỗ trợ vay vốn

- Trong năm 2023, nguồn vốn tín dụng triển khai trên địa bàn thành phố đã hỗ trợ tạo được việc làm cho 2.298 lao động, hỗ trợ cho 484 hộ gia đình có nước sạch sinh hoạt và cải thiện công trình vệ sinh; hỗ trợ cho 290 hộ gia đình có con đi học được vay vốn chương trình HSSV để trang trải chi phí học tập; 233 hộ vay mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo ND 100/2015/NĐ-CP; 34 hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo có vốn sản xuất kinh doanh... vốn sản xuất kinh doanh tập trung đầu tư cho các ngành nghề chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, buôn bán dịch vụ nhỏ. Nguồn vốn tín dụng chính sách đã được đầu tư đến 100% xã, phường, 145 thôn, khu phố trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, đã tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu, đủ điều kiện được tiếp cận với đồng vốn tín dụng chính sách một cách thuận lợi, kịp thời, góp phần giảm số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn thành phố là 54 hộ.

- Bên cạnh đó, NHCSXH phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác, Tổ TK&VV làm ủy nhiệm giải ngân cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác đúng đối tượng, tạo điều kiện cho các đối tượng chính sách có vốn sản xuất kinh doanh vươn lên thoát nghèo, có tiền cho con em đi học, góp phần tạo việc làm ổn định cho xã hội. Tổng dư nợ nhận ủy thác đến ngày 31/12/2023 là 542.228 triệu đồng/8.065 hộ/182 tổ TK&VV, chiếm 99,05% trên tổng dư nợ,

tăng 157.514 triệu đồng so với đầu 31/12/2022; trong đó nợ quá hạn: 435 triệu đồng. Cụ thể:

+ Dư nợ uỷ thác qua Hội Nông dân (HND) là 36.003 triệu đồng/758 hộ/15 Tổ TK&VV, chiếm 6,64% trên tổng dư nợ uỷ thác, so với 31/12/2022 tăng 7.785 triệu đồng (+27,49%); nợ quá hạn: 29 triệu đồng, tăng 10 triệu đồng so với năm 31/12/2023; dư nợ bình quân 47 triệu đồng/hộ.

+ Dư nợ uỷ thác qua Hội Phụ nữ (HPN) là 432.918 triệu đồng/6.269 hộ/143 Tổ TK&VV, chiếm 79,84% trên tổng dư nợ uỷ thác, so với 31/12/2022 tăng 124.921 triệu đồng (+40,56%); nợ quá hạn: 340 triệu đồng, giảm 20 triệu đồng so với 31/12/2022; dư nợ bình quân 69 triệu đồng/hộ.

+ Dư nợ uỷ thác qua Hội Cựu chiến binh (HCCB) là 67.046 triệu đồng/869 hộ/20 Tổ TK&VV, chiếm 12,36 % trên tổng dư nợ nhận uỷ thác, so với 31/12/2022 tăng 22.673 triệu đồng (+51,09%); nợ quá hạn: 66 triệu đồng, giảm 20 triệu đồng so với 31/12/2022 dư nợ bình quân 77 triệu đồng/hộ.

+ Dư nợ uỷ thác qua Đoàn Thanh niên (ĐTN) là 6.261 triệu đồng/169 hộ/04 Tổ TK&VV, chiếm 1,16% trên tổng dư nợ nhận uỷ thác, so với 31/12/2022 tăng 2.235 triệu đồng (+55,55); dư nợ bình quân 37 triệu đồng/hộ.

- Doanh số cho vay: 81.070 triệu đồng. Doanh số cho vay tập trung chủ yếu vào một số chương trình: cho vay Hỗ trợ tạo việc làm (HTTVL) 26.580 triệu đồng, cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (HSSV) 14.188 triệu đồng, cho vay Nhà ở xã hội (NÓXH) 5.431 triệu đồng, cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (NS&VSMTNT) 6.000 triệu đồng, cho vay xuất khẩu lao động (XKLĐ) 683 triệu đồng...

- Doanh số thu nợ: 52.056 triệu đồng, chiếm 64% doanh số cho vay.

- Tổng dư nợ các chương trình tín dụng đến 13/5/2024: 576.415 triệu đồng/8.421 hộ/184 Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV), tăng 29.085 triệu đồng so với 31/12/2023. Một số chương trình tăng trưởng dư nợ cao: HSSV tăng 9.116 triệu đồng, HTTVL tăng 22.313 triệu đồng, NÓXH tăng 4.221 triệu đồng,...

Trong 05 tháng năm 2024, nguồn vốn tín dụng triển khai trên địa bàn thành phố đã hỗ trợ tạo được việc làm cho 1.125 lao động, hỗ trợ cho 300 hộ gia đình có nước sạch sinh hoạt và cải thiện công trình vệ sinh; hỗ trợ cho 578 hộ gia đình có con đi học được vay vốn chương trình HSSV để trang trải chi phí học tập; 19 hộ vay mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo ND 100/2015/ND-CP; 14 hộ cận nghèo, thoát nghèo có vốn sản xuất kinh doanh... vốn sản xuất kinh doanh tập trung đầu tư cho các ngành nghề chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, buôn bán dịch vụ nhỏ.

Nhìn chung, hầu hết các hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích, kinh doanh ổn định cuộc sống, trợ giúp người thất nghiệp, người thiếu việc làm tự tạo việc làm; người có thu nhập thấp, người lao động có nhà để ở,... bước đầu ổn định, có hiệu quả và góp phần an sinh xã hội phát triển kinh tế địa phương.

5.2. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế

Thành phố và các phường, xã đã tuyên truyền rộng rãi chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế (BHYT) trong nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về quyền lợi tham gia BHYT của người dân khi đi khám chữa bệnh. Trong 02 năm đã thực hiện kịp thời cấp mới và gia hạn thẻ BHYT cho hộ nghèo, cấp 991 thẻ BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn. Đã có khoảng hơn 33.573 lượt người nghèo và cận nghèo được khám chữa bệnh. Chính sách này đã tác động có hiệu quả thiết thực đối với công tác chăm lo sức khỏe cho người nghèo và cận nghèo.

Ngoài ra, còn cấp thẻ BHYT miễn phí cho 5.423 lượt trẻ em dưới 6 tuổi, 9.585 lượt người từ 80 tuổi trở lên, 8.303 lượt các đối tượng bảo trợ xã hội. Người dân đang sinh sống tại xã đảo Nhơn Châu được cấp 1.694 thẻ BHYT miễn phí.

5.3. Chính sách hỗ trợ giáo dục và đào tạo

- Trong 2 năm, ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố đã thực hiện hỗ trợ chi phí học tập và miễn, giảm học phí cho học sinh, với 2.887 đối tượng, kinh phí 1.089.422.500 đồng; hỗ trợ tiền ăn trưa cho 81 lượt trẻ mẫu giáo với số tiền 56.414.000 đồng.

- Ngành Lao động–TB&XH thành phố đã thực hiện chế độ ưu đãi giáo dục đối với con của người có công với cách mạng cho 186 trường hợp, kinh phí 1.101.693.000 đồng; chi trả hỗ trợ miễn, giảm học phí cho 42 học sinh sinh viên, kinh phí 370.725.000 đồng.

5.4. Chính sách hỗ trợ về nhà ở

Bằng nguồn Quỹ “*Vì người nghèo*” thành phố, trong năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 đã hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 11 nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, cận nghèo trị giá 498 triệu đồng. Mức hỗ trợ xây dựng nhà mới được nâng lên từ 40trđ/nhà năm 2022 lên năm 50trđ/nhà năm 2023, hỗ trợ sửa chữa nhà tùy theo nhu cầu thực tế mức hỗ trợ từ 10-30trđ/nhà, góp phần đảm bảo kinh phí cho người nghèo xây dựng, sửa chữa nhà ở theo quy định của Bộ xây dựng bao gồm: Diện tích sử dụng tối thiểu 30m², bảo đảm “3 cứng” (*nền - móng cứng, khung - tường cứng, mái cứng, và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên*). Bên cạnh đó, thông qua các hội, đoàn thể, bằng các nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức, xã hội, các mạnh thường quân, đã thực hiện hỗ trợ 15 nhà ở cho các hộ khó khăn.

5.5. Chính sách hỗ trợ khác

- Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo: Phòng Tư pháp thành phố và công chức tư pháp – hộ tịch các phường, xã trên địa bàn thành phố thực hiện trợ giúp pháp lý cho người nghèo dưới hình thức hướng dẫn hồ sơ, trình tự thực hiện các thủ tục hành chính khi có nhu cầu giải quyết về thủ tục hành chính có liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của ngành tư pháp; đồng thời phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề pháp luật, trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn thành phố.

- Chính sách hỗ trợ tiền điện cho người nghèo: thành phố đã hỗ trợ tiền điện cho 465 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội với kinh phí trên 78 triệu đồng.

6. Đánh giá chung

a. Ưu điểm

- Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy, sự hướng dẫn của các Sở, ngành của tỉnh, sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận và các hội, đoàn thể từ thành phố đến phường, xã.

- Việc bố trí và sử dụng kinh phí thực hiện các dự án thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện kịp thời; các đơn vị chủ trì dự án, tiểu dự án đã chủ động xây dựng kế hoạch, tham mưu cho UBND thành phố triển khai và tổ chức thực hiện.

- Chính sách an sinh xã hội ngày càng được mở rộng và đa dạng, song song với các chương trình lồng ghép như xây dựng nông thôn mới; nhờ đó, thành phố tranh thủ được các nguồn lực, đồng thời triển khai thực hiện tốt các chính sách đảm bảo kịp thời, công khai, dân chủ từ cơ sở, được cả xã hội tham gia, góp phần đảm bảo an sinh xã hội tiến tới giảm nghèo bền vững.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai lồng ghép với các tiêu chí giảm nghèo bền vững, dạy nghề và tạo việc làm góp phần thúc đẩy thực hiện có hiệu quả hơn các dự án, chương trình liên quan đến giảm nghèo, dạy nghề và tạo việc làm tại các xã xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Hoạt động kết nghĩa giữa phường hết hộ nghèo với xã còn nhiều khó khăn đã huy động sức mạnh tập thể, tương trợ để cùng “xóa” hộ nghèo là một mô hình được đánh giá cao, thể hiện sự năng động của địa phương trong thực hiện công tác giảm nghèo cần được nhân rộng.

- Mô hình “Giúp hộ nghèo thoát nghèo bền vững” của Mặt trận các cấp tiếp tục phát huy hiệu quả, hộ nghèo được tiếp cận nhiều nguồn hỗ trợ khác nhau như hỗ trợ xây dựng nhà, hỗ trợ về vốn, giống cây trồng, vật nuôi phát triển sản xuất. Qua đó, giúp đỡ người nghèo có thêm điều kiện khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững.

b. Tôn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Chương trình, mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 có nhiều thay đổi về đối tượng, phạm vi, nội dung hỗ trợ, cơ chế quản lý Chương trình so với giai đoạn trước; số dự án, tiểu dự án thành phần nhiều hơn; cơ chế quản lý chặt chẽ hơn, vì vậy các cấp, các ngành cần có nhiều thời gian để được nghiên cứu, hướng dẫn triển khai một cách chặt chẽ, kỹ lưỡng so với giai đoạn trước.

- Các nội dung hướng dẫn Chương trình được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, nội dung của các văn bản thường rất dài, trong khi đó

năng lực chuyên môn, hiểu biết của đội ngũ cán bộ cấp thôn, cấp xã còn hạn chế vì vậy đề đội ngũ cán bộ cơ sở có thể nắm bắt, vận dụng chính xác, nhuần nhuyễn quy định của nhà nước trong việc quản lý, điều hành và thực hiện Chương trình trong giai đoạn này có nhiều khó khăn so với giai đoạn trước.

- Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong hướng dẫn, thực hiện dự án, tuy nhiên việc giải ngân kinh phí các dự án của Chương trình còn chậm;

- Công tác tổng hợp, báo cáo đánh giá của từng cấp, từng ngành, từng địa phương đôi lúc chưa kịp thời, ảnh hưởng đến công tác tổng hợp Chương trình vẫn còn chậm, muộn.

- Một số hộ nghèo, hộ cận nghèo hiện nay không có lao động (cao tuổi cô đơn dưới 80 tuổi, người khuyết tật) và hộ nghèo, cận nghèo có người đau ốm, bệnh tật nặng, khả năng thoát nghèo rất khó khăn.

*** Nguyên nhân khách quan**

- Giai đoạn đầu hệ thống cơ sở pháp lý chưa hoàn thiện, văn bản hướng dẫn chậm ban hành nên việc triển khai gặp nhiều khó khăn.

- Thành phố Quy Nhơn là trung tâm kinh tế của tỉnh, tỷ lệ nghèo còn thấp, nhưng vốn phân bổ cao nên việc giải ngân khó đảm bảo theo đúng kế hoạch phân bổ vốn của tỉnh.

- Công tác đào tạo nghề gặp nhiều khó khăn vì đối tượng hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn thành phố ít, lực lượng lao động có nhu cầu tham gia học nghề rất ít (25 người), đăng ký nhiều nghề khác nhau và rải rác ở các địa phương; trong khi nhóm đối tượng lao động thu nhập thấp chưa có hướng dẫn.

- Nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động hoặc có trình độ hạn chế, không có nguồn lực đối ứng để tiếp cận chương trình.

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, gửi kết quả thực hiện dự án của các cơ quan, đơn vị, địa phương cho cơ quan Thường trực Chương trình để tổng hợp báo cáo cho UBND thành phố chưa thực hiện kịp thời, đầy đủ đúng quy định.

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thật sự quyết tâm vào cuộc, nắm bắt nhu cầu của người nghèo, người khuyết tật không có sinh kế ổn định để đề xuất các dự án hỗ trợ phù hợp với đặc điểm của từng hộ tại địa phương.

c. Bài học kinh nghiệm

- Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, và quản lý Chương trình:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải thực hiện thống nhất, đồng bộ trong cả hệ thống chính trị; các cấp Ủy đảng, chính quyền phải quán triệt nhận thức, trách nhiệm và tạo sự đồng thuận của cả xã hội trong việc triển khai thực hiện CTMTQG-GNBV. Cấp ủy, chính quyền các cấp từ thành phố đến cơ sở phải quan tâm trong công tác chỉ đạo, điều hành; phân công cụ thể các nhiệm vụ cho các cơ

quan, ban, ngành trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác triển khai thực hiện cơ sở để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Công tác triển khai thực hiện phải đồng bộ giữa các cấp, các ngành; cần chủ động phân công, phân cấp, phân nhiệm các nội dung một cách phù hợp nhằm tạo sự chủ động gắn với trách nhiệm của các tổ chức, đơn vị, cá nhân người đứng đầu trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện.

- Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án, tiêu dự án, hoạt động của Chương trình:

Việc triển khai các chủ trương, chính sách, Nghị quyết phải được cụ thể hoá phù hợp với thực tiễn của địa phương, nhằm phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế hướng đến phát triển nhanh kinh tế - xã hội, giảm nghèo đảm bảo tính bền vững.

Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân đề xuất, đóng góp ý kiến, tạo sự đồng thuận cao của người dân, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong quá trình xây dựng kế hoạch nhằm lựa chọn các nội dung thực hiện thiết thực, phù hợp để triển khai thực hiện có hiệu quả. Phát huy dân chủ và sức mạnh của các tổ chức xã hội và quần chúng nhân dân, tăng cường sự giám sát của cộng đồng dân cư trong việc triển khai thực hiện quy hoạch và kế hoạch.

7. Đề xuất Chương trình giai đoạn 2026-2030

7.1. Đề xuất chung:

Về tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện thực hiện Chương trình chưa phù hợp. Theo như tiêu chí phân bổ vốn giai đoạn 2021-2025, dựa trên tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo của địa phương, nhưng chỉ giới hạn ở mức thấp nhất là tỷ lệ hộ nghèo dưới 5% và dưới 2.000 hộ nghèo, thì tỷ lệ phân bổ vốn tương đồng nhau. Trong khi đó tỷ lệ hộ nghèo hầu hết các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đều có mức tỷ lệ hộ nghèo dưới 5% và dưới 2.000 hộ, nên việc phân bổ vốn chưa sát với tình hình thực tế tại địa phương. Đối với thành phố Quy Nhơn, hiện nay tỷ lệ hộ nghèo chỉ 0,07% (53 hộ); hộ cận nghèo 0,2% (146 hộ) nhưng tỷ lệ phân bổ vốn tương đồng với các địa phương khác là chưa phù hợp, nên khả năng ngân vốn thấp, vì rất ít đối tượng thụ hưởng.

Trong giai đoạn 2026-2030, cần bổ sung tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn quá thấp để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

7.2. Đối với Tiểu dự án 2 – Dự án 3 (cải thiện dinh dưỡng)

Thành phố Quy Nhơn có đối tượng trẻ thụ hưởng nội dung thực hiện “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình MTQG GNBV rất ít. Đặc biệt là trẻ dưới 2 tuổi (2 trẻ theo rà soát đầu Chương trình), nên gặp khó khăn trong công tác tổ chức các buổi trình diễn thức ăn.

Theo điểm c khoản 2 điều 35 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự

nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, chi tổ chức các buổi hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em dựa trên các sản phẩm, thực phẩm tại địa phương: 10.000 đồng/trẻ/lần. Tổng số tiền mỗi lần trình diễn cho 2 trẻ là 20.000 đồng, so với giá trên thị trường hiện nay khó mà mua thực phẩm phù hợp đảm bảo các yếu tố về dinh dưỡng cho trẻ. Vậy nên thành phố Quy Nhơn đề xuất tăng thêm khoản chi mua thực phẩm cho trẻ.

Về nội dung Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học: kính đề nghị tuyên truyền tập huấn, phối hợp, hướng dẫn để triển khai hoạt động này.

Kính đề nghị xem xét lại đối tượng thụ hưởng và các khoản chi để phân bổ cho phù hợp để đảm bảo tiến độ giải ngân vì nguồn kinh phí phân về khá lớn.

7.3. Đối với Dự án 2 và Tiểu Dự án 1 – Dự án 3

Đề nghị gộp nội dung của 2 dự án thành một dự án chung, vì nội dung của 2 dự án có tính tương đồng nhau, trong đó hướng dẫn riêng từng nội dung hỗ trợ trên lĩnh vực phi nông nghiệp và nông nghiệp; về đối tượng hỗ trợ của 2 dự án cần thống nhất chung về đối tượng.

Về kinh phí thực hiện khi xây dựng dự án, quy định tỷ lệ đối ứng của người dân quá cao khi xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất tại cộng đồng (ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ tối đa 60%), người dân phải đối ứng ít nhất 40%, trong khi đó đối tượng thụ hưởng chương trình là những người thuộc diện nghèo, khuyết tật không có sinh kế ổn định, nên khả năng đối ứng khó đảm bảo.

7.3. Đối với Tiểu dự án 1 – Dự án 4 (phát triển giáo dục nghề nghiệp)

Hiện nay, số lượng người nghèo trong độ tuổi lao động của thành phố Quy Nhơn còn rất ít, một số không còn khả năng lao động, không có nhu cầu học nghề do không có muốn chuyển đổi nghề, hầu hết đã được đào tạo nghề, nhưng bố trí kinh phí cho dự án này rất cao, không có khả năng giải ngân. Đối với người lao động có thu nhập thấp cần có hướng dẫn cụ thể mới có cơ sở triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024, đề xuất Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2030 trên địa bàn thành phố Quy Nhơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBMTTQVN TP;
- Các Phòng: LĐTBXH; Kinh tế; TCKH;
- TTYT thành phố;
- BCĐ các CTMTQG TP;
- VP (LĐ+C2);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phương Nam